

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 125/TCT-TCKT

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính  
hợp nhất Quý 1 năm 2024 và giải trình các  
nội dung liên quan.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 1 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

**1. BCTC Quý 1 năm 2024**

- BCTC Quý 1 năm 2024 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm :

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN



Người ký: ĐỒNG THỊ ANH  
Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc;  
- Các phòng nghiệp vụ  
- Lưu: VT.

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Đồng Thị Anh*

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-4
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	5
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6-7
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8-29

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>280.976.567.035</b>	<b>272.802.472.965</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V. 1	<b>24.019.225.217</b>	<b>25.928.084.357</b>
1. Tiền	111		21.919.225.217	22.628.084.357
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.100.000.000	3.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>31.465.000.000</b>	<b>28.465.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2	31.465.000.000	28.465.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>166.126.975.869</b>	<b>148.710.241.807</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	23.141.429.365	28.438.663.495
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	52.514.961.960	56.558.841.811
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		73.821.200.541	37.641.199.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	23.901.780.255	33.339.048.356
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(7.252.396.252)	(7.267.510.855)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V. 6	<b>54.159.017.030</b>	<b>61.152.007.106</b>
1. Hàng tồn kho	141		54.159.017.030	61.152.007.106
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.206.348.919</b>	<b>8.547.139.695</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	717.019.619	527.594.354
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.934.125.079	7.692.761.578
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	555.204.221	326.783.763

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày 31/03/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>351.483.924.633</b>	<b>349.928.285.305</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.854.494.000</b>	<b>8.854.494.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		8.854.494.000	8.854.494.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63.318.840.850</b>	<b>65.948.104.434</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	53.111.420.714	55.663.524.226
<i>Nguyên giá</i>	222		187.489.583.501	187.489.583.501
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(134.378.162.787)	(131.826.059.275)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	10.207.420.136	10.284.580.208
<i>Nguyên giá</i>	228		13.661.264.000	13.661.264.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.453.843.864)	(3.376.683.792)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V. 11	<b>31.492.703.667</b>	<b>31.847.765.248</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		86.358.014.919	86.358.014.919
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(54.865.311.252)	(54.510.249.671)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>107.886.089.413</b>	<b>102.569.987.039</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V. 8	106.181.818.635	99.902.201.197
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8	1.704.270.778	2.667.785.842
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>127.534.841.863</b>	<b>127.534.841.863</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2	123.662.890.997	123.662.890.997
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2	7.511.619.996	7.511.619.996
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.639.669.130)	(3.639.669.130)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.396.954.840</b>	<b>13.173.092.721</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	11.669.509.103	12.360.646.298
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		727.445.737	812.446.423
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>632.460.491.668</b>	<b>622.730.758.270</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>260.305.392.766</b>	<b>248.024.338.692</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>179.971.088.322</b>	<b>167.628.850.736</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	15.353.168.795	20.003.957.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	644.318.122	5.615.865.879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	1.664.773.702	2.302.901.066
4. Phải trả người lao động	314		5.626.245.304	10.046.932.111
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	8.618.561.361	2.949.341.529
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	11.454.850.124	7.177.556.667
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	14.382.552.762	9.920.334.340
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	118.384.184.157	108.527.563.121
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.768.989.236	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	2.073.444.759	1.084.398.431
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>80.334.304.444</b>	<b>80.395.487.956</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	74.926.149.526	74.632.583.038
2. Phải trả dài hạn khác	337		4.939.780.712	4.939.780.712
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	468.374.206	823.124.206
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>372.155.098.902</b>	<b>374.706.419.578</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>372.155.098.902</b>	<b>374.706.419.578</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	(20.551.070.637)	(20.551.070.637)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.958.335.540	12.958.335.540
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	28.769.811.238	27.828.213.575
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.749.832.144	(37.139.571.562)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.019.979.094	64.967.785.137
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	75.978.022.761	79.470.941.100
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>632.460.491.668</b>	<b>622.730.758.270</b>

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2024



**Hoàng Trọng Việt**  
Lập biểu



**Nguyễn Hoàng Lam**  
Kế toán trưởng



**Đông Thị Ánh**  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Mẫu B 02 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2024 -> 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		86.260.951.331	150.349.520.353	86.260.951.331	150.349.520.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	86.260.951.331	150.349.520.353	86.260.951.331	150.349.520.353
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	72.618.930.261	127.884.698.461	72.618.930.261	127.884.698.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.642.021.070	22.464.821.892	13.642.021.070	22.464.821.892
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	2.484.916.480	2.407.162.743	2.484.916.480	2.407.162.743
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	2.314.996.633	1.866.145.323	2.314.996.633	1.866.145.323
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		1.642.224.448	1.435.924.882	1.642.224.448	1.435.924.882
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		3.483.762.011	6.958.766.341	3.483.762.011	6.958.766.341
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.091.828.154	5.494.312.953	6.091.828.154	5.494.312.953
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.236.350.752	10.552.760.018	4.236.350.752	10.552.760.018
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	72.677.100	317.152.637	72.677.100	317.152.637
13. Chi phí khác	32	VI. 6	58.562.397	153.362.586	58.562.397	153.362.586
14. Lợi nhuận khác	40		14.114.703	163.790.051	14.114.703	163.790.051
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.250.465.455	10.716.550.069	4.250.465.455	10.716.550.069
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 7	830.595.126	1.980.773.557	830.595.126	1.980.773.557
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		85.000.686	78.828.724	85.000.686	78.828.724
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.334.869.643	8.656.947.788	3.334.869.643	8.656.947.788
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	61	VI. 8	3.019.979.094	5.975.950.505	3.019.979.094	5.975.950.505
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		314.890.549	2.680.997.283	314.890.549	2.680.997.283
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 9	110	217	110	217

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2024



Hoàng Trọng Việt  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Anh  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**Mẫu B 03 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2024 -&gt; 31/03/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>4.250.465.455</b>	<b>10.716.550.069</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	2.984.325.165	2.833.207.313
- Các khoản dự phòng	03		1.753.874.633	2.613.249.884
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		238.676.493	(59.409.977)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(3.795.956.744)	(1.538.139.939)
- Chi phí lãi vay	06		1.642.224.448	1.435.924.882
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>7.073.609.450</b>	<b>16.001.382.232</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.790.717.301	(11.521.498.183)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		713.372.638	34.142.584.044
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		(776.716.254)	(3.793.687.516)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		501.711.930	20.395.372
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.650.117.842)	(1.520.811.852)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.513.611.285)	(2.882.667.860)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.038.839.192)	(2.328.030.810)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>19.100.126.746</b>	<b>28.117.665.427</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		104.089.001	(1.160.360.084)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.905.528.376)	(8.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.780.780.000	17.700.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.346.314.180	2.727.024.635
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.674.345.195)</b>	<b>10.566.664.551</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		2.520.863.857	78.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	82.329.773.272	76.768.256.774
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(73.054.855.736)	(124.679.112.951)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(31.125.851.450)	(10.269.450)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(19.330.070.057)</i>	<i>(47.842.625.627)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.904.288.506)</b>	<b>(9.158.295.649)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>25.928.084.357</b>	<b>56.797.259.117</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(4.570.634)	193.113.864
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>24.019.225.217</b>	<b>47.832.077.332</b>

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2024



**Hoàng Trọng Việt**  
Lập biểu



**Nguyễn Hoàng Lam**  
Kê toán trưởng



**Đông Thị Anh**  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Từ ngày 01/01/2024 -> 31/03/2024**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần**

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyên Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

**2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.**

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<b>a. Công ty con</b>					
	Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	99,90%	99,90%
	Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	10.000.000.000	100%	100,00%
	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn.	24.500.000.000	51%	51,00%
	Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây sơn, P. Ghềnh Ráng Tp.Quy Nhơn.	5.000.000.000	100%	100,00%
	Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	99 Tây sơn, P. Ghềnh Ráng Tp.Quy Nhơn.	350.000.000.000	57,14%	57,14%
	Công ty CP Pisico Đắc Lắc	25 An Dương Vương, TT M-Đrắk, H.M'Đrắk, Tỉnh Đắc Lắc	15.000.000.000	80,87%	80,87%
	Công ty CP Đầu tư Pisico Đắc Lắc	25 An Dương Vương, TT M-Đrắk, H.M'Đrắk, Tỉnh Đắc Lắc	12.000.000.000	83,20%	83,20%
<b>b. Công ty liên doanh, liên kết</b>					
	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	50,00%
	Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	31,28%
	Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất Thành Tâm	Một phần Lô A12 + Lô A13, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	22.500.000.000	40,01%	40,01%
	Công ty CP PISICO Hà Thanh	Lô A3, Cụm CN thị trấn Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	23.800.000.000	44,97%	44,97%
	Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (Gián tiếp)	Lô E15.1 + E16.2, KCN Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	9.000.000.000	22,95%	45,00%

**c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:****► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico**

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico**

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con cho cùng giai đoạn tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tỷ giá được chọn để áp dụng trong kế toán: tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Các báo cáo tài chính có đồng tiền kế toán không phải là Việt Nam đồng được chuyển đổi sang Việt Nam đồng phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi Bảng Cân đối kế toán được trình bày tại khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

**Các khoản cho vay**

## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

#### ***Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Một Công ty được xác định là công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được phân bổ và được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thu hồi còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà có bằng chứng cho thấy người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho, các chi phí thu mua (nếu có), các chi phí gia công sản xuất (nếu có)... để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, và khi có bằng chứng cho thấy giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư:**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Tài sản khác	4 - 10 năm

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Khi bắt đầu hoạt động sản xuất được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

**8. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ mà Tổng Công ty phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thanh toán còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

**10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả gộp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**14. Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ thuế hoặc được khấu trừ ở các năm khác (bao gồm cả số lỗ mang sang, nếu có).

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó phát sinh liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	3.950.321.428	5.311.268.273
Tiền gửi ngân hàng	17.968.903.789	17.316.816.084
Các khoản tương đương tiền	2.100.000.000	3.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.019.225.217</b>	<b>25.928.084.357</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>31.465.000.000</b>	<b>31.465.000.000</b>	<b>28.465.000.000</b>	<b>28.465.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	31.465.000.000	31.465.000.000	28.465.000.000	28.465.000.000
<b>a2. Dài hạn</b>	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.465.000.000</b>	<b>31.465.000.000</b>	<b>28.465.000.000</b>	<b>28.465.000.000</b>

**b. Đầu tư tài chính dài hạn****b1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	Công ty TNHH SX Đảm gỗ BÐ (Gián tiếp)	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	12.898.371.588	20.579.649.913	15.861.179.744	21.927.207.558	71.266.408.803
Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	7.767.617.149	6.951.015.652	30.817.380.411	1.844.224.164	47.380.237.376
Cổ tức nhận trong kỳ	(5.351.390.000)	(6.662.220.000)		(2.942.100.000)	(14.955.710.000)
Tăng/(giảm) VCSH tại công ty liên kết	(578.419.544)	(985.494.000)		-	(1.563.913.544)
Tăng/(giảm) CLTG hồi đoái tại công ty liên kết			21.331.842.361	204.026.001	21.535.868.362
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>14.736.179.193</b>	<b>19.882.951.565</b>	<b>68.010.402.516</b>	<b>21.033.357.723</b>	<b>123.662.890.997</b>
Tại ngày 01/01/2024	14.736.179.193	19.882.951.565	68.010.402.516	21.033.357.723	123.662.890.997
Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết					-
Cổ tức nhận trong kỳ					-
Tăng/(giảm) VCSH tại công ty liên kết					-
Tăng/(giảm) CLTG hồi đoái tại công ty liên kết					-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>14.736.179.193</b>	<b>19.882.951.565</b>	<b>68.010.402.516</b>	<b>21.033.357.723</b>	<b>123.662.890.997</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**b2. Đầu tư vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
CTCP Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định (Vicosimex)	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
Cộng	5.000	95.000.000	5.000	95.000.000
		<b>7.511.619.996</b>		<b>7.511.619.996</b>

**Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/03/2024 như sau:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

**\* Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

- Công ty CP Chế biến tinh bột sắn XK Bình Định

**Cộng**

	31/03/2024	01/01/2024
	3.639.669.130	3.639.669.130
<b>Cộng</b>	<b>3.639.669.130</b>	<b>3.639.669.130</b>

**3. Phải thu của khách hàng****a. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)****b. Phải thu các bên thứ ba**

Cty TNHH trồng rừng Quy Nhơn

OBI

Khách hàng SIPLEC

LANDI SCHWEIZ AG

CTY TNHH VẠN ĐẠI

DNTN Phú Lợi

CTY TNHH HOÀNG GIA

CÔNG TY TNHH HÙNG THÀNH NGÂN

Khách hàng khác

**Cộng**

	31/03/2024	01/01/2024
	1.802.601.931	1.799.914.464
	21.338.827.434	26.638.749.031
	12.957.456.047	3.480.175.307
	236.448.000	2.581.250.784
	-	12.464.651.522
	1.671.613.470	-
	665.446.580	865.446.580
	2.161.510.492	2.161.510.492
	748.484.227	851.855.047
	-	896.675.000
	2.897.868.618	3.337.184.299
<b>Cộng</b>	<b>23.141.429.365</b>	<b>28.438.663.495</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn****a. Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)****b. Trả trước cho các bên thứ ba**

Công ty TNHH Trồng rừng QN

CTCP TƯ VẤN TK XD PHƯƠNG VIỆT

CTY TNHH CƠ KHÍ LIÊN TRÌ

CTY TNHH XD VÀ TM CHÍ HIẾU

CTY TNHH CAO NGUYỄN LÂM

CTY TNHH AN LỘC PHÁT

Khách hàng khác

**Cộng**

	31/03/2024	01/01/2024
	34.770.000.000	34.800.000.000
	17.744.961.960	21.758.841.811
	1.392.000.000	-
	3.497.790.000	3.497.790.000
	2.592.000.000	2.592.000.000
	1.386.748.679	1.386.748.679
	2.056.682.200	2.056.682.200
	-	8.995.000.000
	6.819.741.081	3.230.620.932
<b>Cộng</b>	<b>52.514.961.960</b>	<b>56.558.841.811</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**5. Phải thu khác**

	31/03/2024	01/01/2024
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>23.901.780.255</b>	<b>33.339.048.356</b>
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	15.937.118.912	25.014.069.964
- Phải thu các bên thứ ba	7.964.661.343	8.324.978.392
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	9.507.639	9.597.639
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	23.861.292	73.709.454
Phải thu lãi vay, lãi tiền gửi	203.035.616	234.280.822
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Tạm ứng CBCNV	734.915.400	1.812.175.400
Cổ tức được chia	1.498.500.000	1.478.750.000
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	213.128.716	214.225.966
Ký quỹ	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản khác	2.248.509.108	1.469.035.539
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.854.494.000</b>	<b>8.854.494.000</b>
Ký quỹ thực hiện dự án Đắc Lắc	214.809.000	214.809.000
Ký quỹ thực hiện dự án NOXH	8.639.685.000	8.639.685.000
<b>Cộng</b>	<b>32.756.274.255</b>	<b>42.193.542.356</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/03/2024	01/01/2024
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	12.644.986.623	15.614.162.889
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.505.386.566	1.474.920.106
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.565.233.522	13.632.817.835
Thành phẩm tồn kho	30.443.410.319	30.430.106.276
<b>Cộng</b>	<b>54.159.017.030</b>	<b>61.152.007.106</b>

**7. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi
CTCP Chế biến						
Tinh bột sắn BD	1.033.203.572	1.033.203.572	-	1.033.203.572	1.033.203.572	-
DNTN Phú lợi	2.186.084.692	2.186.084.692	-	2.135.180.977	2.186.084.692	(50.903.715)
Đặng Ngọc Sơn	741.390.900	741.390.900	-	741.390.900	741.390.900	-
Trần Thanh Tâm	794.305.450	794.305.450	-	794.305.450	794.305.450	-
Khách hàng khác	3.418.647.518	2.497.411.638	921.235.880	2.983.289.233	2.512.526.241	470.762.992
<b>Cộng</b>	<b>8.173.632.132</b>	<b>7.252.396.252</b>	<b>921.235.880</b>	<b>7.687.370.132</b>	<b>7.267.510.855</b>	<b>419.859.277</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>106.181.818.635</b>	<b>99.902.201.197</b>
- CP Trồng Rừng kinh tế	28.363.824.920	27.167.719.810
- CP Dự án NOXH	77.817.993.715	72.734.481.387
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.704.270.778</b>	<b>2.667.785.842</b>
- Chi xây dựng cơ bản dở dang khác	1.704.270.778	2.667.785.842
<b>Cộng</b>	<b>107.886.089.413</b>	<b>102.569.987.039</b>
	0	0

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2024	73.261.681.333	93.371.694.606	18.265.438.030	1.535.285.850	1.055.483.682	187.489.583.501
Đầu tư mới	-	-	-	-	-	0

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Giảm khác	-	-	-	-	-	0
Tại 31/03/2024	<b>73.261.681.333</b>	<b>93.371.694.606</b>	<b>18.265.438.030</b>	<b>1.535.285.850</b>	<b>1.055.483.682</b>	<b>187.489.583.501</b>
	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị, đồ dùng quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2024	43.372.828.375	74.238.907.190	11.630.265.905	1.528.574.123	1.055.483.682	131.826.059.275
Trích khấu hao	625.917.161	1.607.392.250	316.277.204	2.516.897	0	2.552.103.512
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại 31/03/2024	<b>43.998.745.536</b>	<b>75.846.299.440</b>	<b>11.946.543.109</b>	<b>1.531.091.020</b>	<b>1.055.483.682</b>	<b>134.378.162.787</b>
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2024	29.888.852.958	19.132.787.416	6.635.172.125	6.711.727	0	55.663.524.226
Tại 31/03/2024	<b>29.262.935.797</b>	<b>17.525.395.166</b>	<b>6.318.894.921</b>	<b>4.194.830</b>	<b>0</b>	<b>53.111.420.714</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2024	-	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Tại 31/03/2024	-	<b>13.607.264.000</b>	<b>54.000.000</b>	<b>13.661.264.000</b>
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2024		3.322.683.792	54.000.000	3.376.683.792
Trích khấu hao		77.160.072	-	77.160.072
Tại 31/03/2024	-	<b>3.399.843.864</b>	<b>54.000.000</b>	<b>3.453.843.864</b>
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2024	-	10.284.580.208	-	10.284.580.208
Tại 31/03/2024	-	<b>10.207.420.136</b>	-	<b>10.207.420.136</b>

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh	Nhà máy dầm tại Bồng Sơn cho thuê	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2024	38.635.719.983	36.920.640.136	10.801.654.800	86.358.014.919
Đầu tư mới	-	-	-	0
Phát sinh giảm	-	-	0	0
Tại 31/03/2024	<b>38.635.719.983</b>	<b>36.920.640.136</b>	<b>10.801.654.800</b>	<b>86.358.014.919</b>
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2024	38.510.004.919	9.972.405.820	6.027.838.932	54.510.249.671
Trích khấu hao	14.858.441	198.546.095	141.657.045	355.061.581
Tại 31/03/2024	<b>38.524.863.360</b>	<b>10.170.951.915</b>	<b>6.169.495.977</b>	<b>54.865.311.252</b>
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2024	125.715.064	26.948.234.316	4.773.815.868	31.847.765.248
Tại 31/03/2024	<b>110.856.623</b>	<b>26.749.688.221</b>	<b>4.632.158.823</b>	<b>31.492.703.667</b>

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**12. Chi phí trả trước**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	717.019.619	527.594.354
Chi phí trả trước dài hạn	11.669.509.103	12.360.646.298
<b>Cộng</b>	<b>12.386.528.722</b>	<b>12.888.240.652</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<b>Tại 01/01/2024</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>CLTG cuối kỳ</b>	<b>Tại 31/03/2024</b>
Vietcombank	108.527.563.121	82.684.523.272	73.054.855.736	226.953.500	118.384.184.157
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>107.845.063.121</i>	<i>82.329.773.272</i>	<i>72.884.230.736</i>	<i>226.953.500</i>	<i>117.517.559.157</i>
Vay VND	96.191.839.121	77.029.160.772	64.632.712.736	-	108.588.287.157
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>682.500.000</i>	<i>354.750.000</i>	<i>170.625.000</i>	<i>-</i>	<i>866.625.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>108.527.563.121</b>	<b>82.684.523.272</b>	<b>73.054.855.736</b>	<b>226.953.500</b>	<b>118.384.184.157</b>

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<b>Tại 01/01/2024</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Điều chỉnh trong kỳ</b>	<b>Tại 31/03/2024</b>
<b>A. Vay dài hạn</b>	<b>823.124.206</b>	<b>0</b>	<b>354.750.000</b>	<b>-</b>	<b>468.374.206</b>
VCB Quy Nhơn	823.124.206	0	354.750.000	-	468.374.206
Vay Việt Nam Đồng	823.124.206	0	354.750.000	-	468.374.206
<b>Cộng</b>	<b>823.124.206</b>	<b>0</b>	<b>354.750.000</b>	<b>-</b>	<b>468.374.206</b>

**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
- Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	-	2.070.835.031
- Phải trả các bên thứ ba	<b>15.353.168.795</b>	<b>17.933.122.561</b>
Công ty TNHH THC Sài Gòn tourist	1.634.923.104	2.050.444.091
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP QUỲNH NHÂN	-	2.918.265.027
Điện lực Bình Định	2.021.972.006	1.009.507.154
Công ty TNHH MTV DV Logistics Cảng QN	1.010.628.277	614.054.578
CTY TNHH HIẾU NAM	1.323.544.310	-
CTY TNHH VẬN TẢI ĐẠT HUY	-	1.292.352.750
NGUYỄN NGỌC AN	1.358.395.900	1.433.509.750
CTY TNHH THIÊN LONG NGỌC BÌNH	828.884.448	-
Phan Thị Thơm (gỗ)	1.578.851.800	-
Khách hàng khác	5.595.968.950	8.614.989.211
<b>Cộng</b>	<b>15.353.168.795</b>	<b>20.003.957.592</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**15. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
- Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	-	5.000.000.000
- Phải trả các bên thứ ba	<b>644.318.122</b>	<b>615.865.879</b>
KHÁCH HÀNG MIDAN GLOBAL	445.391.280	445.391.280
KHÁCH HÀNG STI GROUP INC	115.697.230	115.697.230
Khách hàng khác	83.229.612	54.777.369
<b>Cộng</b>	<b>644.318.122</b>	<b>5.615.865.879</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Tại 31/03/2024</b>		<b>Tại 01/01/2024</b>	
	<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	373.706.522	-	443.043.320
Thuế giá trị gia tăng hàng NK	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	111.777.183	-	82.600.368	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	830.595.125	-	1.513.611.284
Thuế thu nhập cá nhân	199.243.643	40.013.117	-	97.157.934
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	244.183.395	109.200.000	244.183.395	-
Các loại thuế khác	-	311.258.938	-	249.088.528
<b>Cộng</b>	<b>555.204.221</b>	<b>1.664.773.702</b>	<b>326.783.763</b>	<b>2.302.901.066</b>

**Chi tiết như sau:**

	<b>Tại 01/01/2024</b>	<b>Phải nộp trong kỳ</b>	<b>Đã nộp trong kỳ</b>	<b>Tại 31/03/2024</b>
Thuế GTGT hàng nội địa	443.043.320	589.021.890	658.358.688	373.706.522
Thuế xuất, nhập khẩu	-	578.616.945	607.793.760	(111.777.183)
Thuế thu nhập DN	1.513.611.284	830.595.126	1.513.611.285	830.595.125
Thuế môn bài	-	23.000.000	23.000.000	-
Thuế nhà đất, thuế đất	(244.183.395)	944.433.851	835.233.851	(134.983.395)
Thuế thu nhập cá nhân	97.157.934	492.046.519	748.434.979	(159.230.526)
Thuế khác	249.088.528	76.273.737	14.103.327	311.258.938
<b>Cộng</b>	<b>2.058.717.671</b>	<b>3.533.988.068</b>	<b>4.400.535.890</b>	<b>1.109.569.481</b>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Chi phí thuê bản quyền truyền hình, băng thông	1.236.603.431	159.979.878
Lãi vay phải trả	107.064.925	114.958.319
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	95.522.000	111.624.500
Các khoản chi phí khác	66.838.875	473.322.690
Phí hoa hồng môi giới	434.829.842	313.438.436
Chi phí khai thác rừng & QLBV rừng	6.620.702.288	1.719.017.706
Thù lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	57.000.000	57.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.618.561.361</b>	<b>2.949.341.529</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Tiền bảo hành các hạng mục XD/CB	10.000.000	10.000.000
Tiền cọc cho thuê Văn phòng	113.000.000	113.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	89.720.804	6.174.714
Kinh phí công đoàn	1.021.976.071	980.847.144
Phải trả cổ tức	1.546.127.155	51.179.160
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Các khoản khác	11.543.094.552	8.700.499.142
<b>Cộng</b>	<b>14.382.552.762</b>	<b>9.920.334.340</b>
<b>19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		
<b>Tại 01/01/2024</b>		<b>1.084.398.431</b>
Trích từ lợi nhuận sau thuế		2.679.885.520
Chi khen thưởng, phúc lợi		1.690.839.192
<b>Tại 31/03/2024</b>		<b>2.073.444.759</b>
		-
<b>20. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>11.454.850.124</b>	<b>7.083.514.370</b>
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	177.768.117	177.768.161
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Cát Nhơn	6.726.428.653	2.474.718.119
Doanh thu cho thuê NM Bồng Sơn	3.146.904.109	2.429.026.196
Cho thuê Văn phòng làm việc	118.343.902	300.506.017
Doanh thu thuê bao Truyền hình cáp + Internet	1.285.405.343	1.701.495.877
<b>b. Dài hạn</b>	<b>74.926.149.526</b>	<b>74.726.625.335</b>
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Cát Nhơn	69.476.182.599	74.346.571.305
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	140.432.680	184.874.747
Doanh thu cho thuê NM Bồng Sơn	5.309.534.247	195.179.283
<b>Cộng</b>	<b>86.380.999.650</b>	<b>81.810.139.705</b>
		0

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**21. Vốn chủ sở hữu**

**Chi tiết biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	275.000.000.000	(5.603.153.785)	12.958.335.540	(41.661.865.977)	240.693.315.778
Lợi nhuận năm 2023				64.967.785.137	64.967.785.137
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi				(1.687.604.585)	(1.687.604.585)
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển					-
Chia lợi nhuận cho đối tác TH Cấp				(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chia cổ tức				(27.610.000.000)	(27.610.000.000)
Tăng/(giảm) VCSH tại Công ty liên kết				34.819.899.000	34.819.899.000
CLTG hối đoái		(14.947.916.852)			(14.947.916.852)
Tại 31/12/2023	275.000.000.000	(20.551.070.637)	12.958.335.540	27.828.213.575	295.235.478.478
Tại ngày 01/01/2021	275.000.000.000	(20.551.070.637)	12.958.335.540	27.828.213.575	295.235.478.478
Lợi nhuận năm 2024				3.019.979.094	3.019.979.094
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi				(1.438.133.817)	(1.438.133.817)
Các khoản chi từ LNCPP				(640.247.613)	(640.247.613)
CLTG hối đoái					-
Tại 31/12/2023	275.000.000.000	(20.551.070.637)	12.958.335.540	28.769.811.238	296.177.076.141

**Cơ cấu sở hữu**

Cổ đông	Tại 31/03/2024		Tại 01/01/2024	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Quỹ Đầu tư Phát triển BĐ	-	-	-	-
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
<b>Cộng</b>		<b>275.000.000.000</b>		<b>275.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/03/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**22. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	CTCP Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN	Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	Công ty CP PISICO ĐAKLAK	Tổng Cộng
<b>Tại ngày 1/1/2023</b>	<b>31.403.417</b>	<b>19.845.922.790</b>	<b>917.466.373</b>	<b>987.900.000</b>	<b>#####</b>
Vốn góp của CĐKKS		-	#####	546.786.000	#####
Lợi nhuận trong năm 2023	1.607.247	5.682.952.574	(6.164.540)		5.678.395.281
Chia cổ tức	-	-			-
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	(441.486)	58.812.741			58.371.255
CLTG hồi đoái					-
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khác					-
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>32.569.178</b>	<b>25.587.688.105</b>	<b>#####</b>	<b>1.534.686.000</b>	<b>#####</b>
Vốn góp của CĐKKS			2.261.175.857	259.688.000	2.520.863.857
Lợi nhuận trong năm 2023	89.590	317.377.614	(2.576.655)		314.890.549
Chia cổ tức		(4.802.000.000)			(4.802.000.000)
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	(424.762)	(1.526.247.982)			(1.526.672.744)
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>32.234.006</b>	<b>19.576.817.737</b>	<b>#####</b>	<b>1.794.374.000</b>	<b>#####</b>

**Chi tiết biến động Lợi ích CĐKKS**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Tại ngày 1/1/2023</b>	<b>13.937.900.000</b>	<b>2.046.188.203</b>	<b>2.706.473.777</b>	<b>3.092.130.600</b>	<b>21.782.692.580</b>
Góp vốn	51.951.481.984	-	-	-	51.951.481.984
Lợi nhuận năm 2023	-	-	-	5.678.425.281	5.678.425.281
Trích Quỹ trong năm	-	-	-	(206.069.546)	(206.069.546)
Các khoản điều chỉnh L					-
Chia cổ tức	-			(1.500.000)	(1.500.000)
CLTG hồi đoái		265.910.801			265.910.801
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>65.889.381.984</b>	<b>2.312.099.004</b>	<b>2.706.473.777</b>	<b>8.562.986.335</b>	<b>79.470.941.100</b>
Góp vốn	2.520.863.857	-	-	-	2.520.863.857
Lợi nhuận năm 2024	-	-	-	314.890.549	314.890.549
Trích Quỹ và chi từ LNS	-	-	-	(1.526.672.744)	(1.526.672.744)
	<b>68.410.245.841</b>	<b>2.312.099.004</b>	<b>2.706.473.777</b>	<b>2.549.204.140</b>	<b>75.978.022.761</b>

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:**

	31/03/2024	01/01/2024
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
a. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	256.572,23	1.091.473,83
EURO	73,86	136,93
b. Nợ khó đòi đã xử lý	<b>6.170.468.252</b>	<b>6.170.468.252</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>86.260.951.331</b>	<b>150.349.520.353</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>86.260.951.331</b>	<b>150.349.520.353</b>
<b>Trong đó:</b>	<b>Từ 01/01/2020 -&gt; 31/12/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 -&gt; 31/12/2019</b>
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	60.835.319.193	142.416.836.706
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng	19.565.068.510	1.358.880.044
Doanh thu DV Truyền Hình Cấp	5.860.563.628	6.573.803.603
Doanh thu dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	-	-
<b>Cộng</b>	<b>86.260.951.331</b>	<b>150.349.520.353</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	52.117.100.865	121.956.255.634
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng	16.000.795.580	1.006.191.705
Giá vốn DV Truyền Hình Cấp	4.501.033.816	4.922.251.122
Giá vốn dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	-	-
<b>Cộng</b>	<b>72.618.930.261</b>	<b>127.884.698.461</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Lãi khác (Thanh lý H/Đồng....)	-	-
Lãi tiền gửi, cho vay	1.470.956.744	1.808.270.590
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.013.959.736	598.892.153
Lãi từ hoạt động đầu tư ngoài DN	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.484.916.480</b>	<b>2.407.162.743</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Chi phí lãi vay	1.642.224.448	1.435.924.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá	247.348.031	420.226.468
Lỗ CLTG đánh giá lại cuối kỳ	425.424.154	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài DN	-	-
Chi phí khác	-	9.993.973
<b>Cộng</b>	<b>2.314.996.633</b>	<b>1.866.145.323</b>

**5. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	-
Tiền thưởng tàu	-	-
Xử lý, thu hồi nợ	-	-
Tiền đền bù GPMB	-	-
Thu nhập khác	72.677.100	317.152.637
<b>Cộng</b>	<b>72.677.100</b>	<b>317.152.637</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Chi thù lao HĐQT	27.000.000	136.941.177
Các khoản chi phí khác	31.562.397	16.421.409
<b>Cộng</b>	<b>58.562.397</b>	<b>153.362.586</b>

**7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần chế biến gỗ nội thất Pisico		
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh		
- Công ty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định		
- Công ty Cổ phần KD CNN Bình Định		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>4.250.465.455</b>	<b>10.716.550.069</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>543.073.577</b>	<b>255.785.748</b>
Khoản lỗ tại các đơn vị thành viên không được bù trừ	288.800.627	156.976.324
Các khoản chi phí không được trừ	254.272.950	98.809.424
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>441.001.475</b>	<b>1.068.468.035</b>
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	-	-
Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	15.998.045	674.324.417
Các khoản khác	425.003.430	394.143.618
<b>Tổng thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>4.352.537.557</b>	<b>9.903.867.782</b>
<u>Trong đó:</u>		
Tổng thu nhập chịu thuế suất 20%	4.069.749.126	9.903.867.782
Thuế TNDN tính theo thuế suất	830.595.126	1.980.773.557
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>830.595.126</b>	<b>1.980.773.557</b>

**9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
- Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	(6.164.540)	(4.880.401)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	1.607.247	1.869.740
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	5.682.982.574	5.810.947.526
<b>Cộng</b>	<b>5.678.425.281</b>	<b>5.807.936.865</b>

**10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.019.979.094	5.975.950.505
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.019.979.094	5.975.950.505
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>110</b>	<b>217</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	240.740.424.924	284.308.531.134
Chi phí nhân công	54.753.558.836	51.836.278.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.581.478.344	12.043.764.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.341.827.374	103.246.385.061
Chi phí khác bằng tiền	33.622.770.924	10.993.018.413
<b>Cộng</b>	<b>457.040.060.402</b>	<b>462.427.977.710</b>

**VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****1. Khấu hao tài sản cố định**

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	2.552.103.512	2.567.005.715
Khấu hao tài sản cố định vô hình	77.160.072	77.160.072
Khấu hao bất động sản	355.061.581	189.041.526
<b>Cộng</b>	<b>2.984.325.165</b>	<b>2.833.207.313</b>

**2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	(1.470.956.744)	(1.538.139.939)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.325.000.000)	
<b>Cộng</b>	<b>(3.795.956.744)</b>	<b>(1.538.139.939)</b>

**3. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	82.329.773.272	76.768.256.774
<b>Cộng</b>	<b>82.329.773.272</b>	<b>76.768.256.774</b>

**4. Tiền chi trả nợ gốc vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	(73.054.855.736)	(124.679.112.951)
<b>Cộng</b>	<b>(73.054.855.736)</b>	<b>(124.679.112.951)</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan. Tổng Công ty có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ		Cho thuê và dịch vụ hạ tầng		Truyền hình cáp		Phản theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tài sản bộ phận	206.071.760.041	164.018.090.384	139.077.063.543	108.830.341.402	10.720.873.415	17.013.087.655	-	-	355.869.696.999	289.861.519.441
Tài sản không phân bổ							274.955.617.106	273.700.745.069	274.955.617.106	273.700.745.069
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>206.071.760.041</b>	<b>164.018.090.384</b>	<b>139.077.063.543</b>	<b>108.830.341.402</b>	<b>10.720.873.415</b>	<b>17.013.087.655</b>	<b>274.955.617.106</b>	<b>273.700.745.069</b>	<b>630.825.314.105</b>	<b>563.562.264.510</b>
Nợ phải trả bộ phận	139.488.852.378	102.002.932.295	54.527.330.462	32.186.987.443	11.981.670.167	11.076.147.584	-	-	205.997.853.007	145.266.067.322
Nợ phải trả không phân bổ							54.928.610.196	106.179.469.793	54.928.610.196	106.179.469.793
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>139.488.852.378</b>	<b>102.002.932.295</b>	<b>54.527.330.462</b>	<b>32.186.987.443</b>	<b>11.981.670.167</b>	<b>11.076.147.584</b>	<b>54.928.610.196</b>	<b>106.179.469.793</b>	<b>260.926.463.203</b>	<b>251.445.537.115</b>
									621.070.437	

**Sản phẩm lâm sản và dịch vụ**

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ		Cho thuê và dịch vụ hạ tầng		Truyền hình cáp		Phản theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022	Từ 01/01/2023 -> 31/12/2023	Từ 01/01/2022 -> 31/12/2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.404.459.128	569.511.072.102	3.018.568.071	5.257.049.247	5.860.563.628	28.082.523.575	-	-	86.283.590.827	602.850.644.924
Doanh thu hoạt động tài chính	1.013.959.736	4.221.248.998	-	-	-	-	1.470.956.744	8.239.017.402	2.484.916.480	12.460.266.400
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết			-	-	-	-	-	17.716.949.963	-	17.716.949.963
Thu nhập khác	71.449.827	1.779.870.659	-	703.871.330	1.227.273	420	-	-	72.677.100	73.904.373
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>78.489.868.691</b>	<b>575.512.191.759</b>	<b>3.018.568.071</b>	<b>5.960.920.577</b>	<b>5.861.790.901</b>	<b>28.082.523.995</b>	<b>1.470.956.744</b>	<b>25.955.967.365</b>	<b>88.841.184.407</b>	<b>635.511.603.696</b>
Giá vốn hàng bán	65.677.360.528	500.074.426.488	2.440.535.917	3.231.153.769	4.501.033.816	18.883.463.106	-	-	72.618.930.261	522.189.043.363
Chi phí bán hàng	3.202.359.603	28.524.245.582	-	-	281.402.408	1.418.818.514	-	-	3.483.762.011	29.943.064.096
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.625.219.340	18.348.227.651	396.596.283	2.200.492.087	1.092.652.027	5.086.721.322	-	-	6.114.467.650	25.635.441.060
Chi phí tài chính	687.297.550	2.531.622.036	217.329.657	(15.561.483)	(15.561.483)	5.000.270	-	-	2.324.990.606	7.284.266.122
Chi phí khác	5.000.000	1.592.719.388	27.000.000	90.500.000	26.562.397	5.000.270	-	-	58.562.397	1.688.219.658
<b>Tổng chi phí</b>	<b>74.197.237.021</b>	<b>551.071.241.145</b>	<b>3.081.461.857</b>	<b>5.522.145.856</b>	<b>5.886.089.165</b>	<b>25.394.003.212</b>	<b>1.435.924.882</b>	<b>4.752.644.086</b>	<b>84.600.712.925</b>	<b>586.740.034.299</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>4.292.631.670</b>	<b>24.440.950.614</b>	<b>(62.893.786)</b>	<b>438.774.721</b>	<b>(24.298.264)</b>	<b>2.688.520.783</b>	<b>35.031.862</b>	<b>21.203.323.279</b>	<b>4.240.471.482</b>	<b>48.771.569.397</b>
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10.523.462.403	6.881.603.969	421.706.384	428.994.396	4.636.309.557	4.733.166.098	-	-	15.581.478.344	12.043.764.463
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định	(828.594.226)	11.395.003.966	-	-	(115.782.504)	2.813.727.082	-	-	(944.376.730)	14.208.731.048

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**2. Thông tin giao dịch với các bên liên quan****Thông tin các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty CP CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Thành Tâm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	Công ty liên kết (gián tiếp)
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu

**Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty CP CNN Bình Định	Cho vay	54.960.781.541	5.787.472.500
	Thu hồi vốn đã ứng	-	-
	Lãi cho vay	365.489.963	-
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Thành Tâm	Bán hàng	-	-
	Cổ tức được chia	4.051.350.000	4.051.350.000
	Bán hàng hoá	-	-
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Trả ứng tiền mua hàng	5.000.000.000	-
	Mua hàng	-	34.286.370.300
	Cổ tức được chia	5.351.390.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Doanh thu cho thuê VP	16.097.859	13.544.728
	Cho thuê CSHT	-	-
	Lãi ứng trước tiền hàng	99.453.699	130.487.671
	Thu hồi ứng	6.300.000.000	-
Công ty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	Bán hàng	-	35.126.866.800
	Nhận tiền cổ tức	-	-
	Doanh thu cho thuê VP + khá	16.097.859	19.727.642
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Doanh thu bán gỗ	-	-
	Mua vật tư trừ công nợ	-	-
	Ứng trước cho người bán	-	-
	Thu hồi ứng	-	-
	Thu hồi vay	18.780.780.000	-
	Lãi cho vay	296.479.053	831.201.909
	Trả cổ tức	-	-

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục	31/03/2024	01/01/2024
Công ty CP CNN Bình Định	Cho vay	73.821.200.541	5.787.472.500
	Phải thu khác ngắn hạn	1.074.563.279	-
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Thành Tâm	Phải thu khác ngắn hạn	0	4.051.350.000
	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Người mua trả trước	0	5.000.000.000
	Phải thu khách hàng	0	-
	Phải trả người bán	-	-
	Phải thu khác ngắn hạn	0	5.351.390.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Phải thu khách hàng	6.614.384	27.848.780
	Ứng trước cho người bán	0	6.300.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	4.460.995.338	3.992.309.858
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu khách hàng	1.795.987.547	1.799.313.589
	Phải thu về cho vay	0	40.130.780.000
	Phải thu khác ngắn hạn	10.401.560.295	8.418.652.351
	Ứng trước cho người bán	-	6.500.000.000

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2024



Hoàng Trọng Việt  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đồng Thị Anh  
Tổng Giám đốc

